

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miễn nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 14/12/2017

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1	427	PVD2+JS2+CTK3	7:25	9+13+0	0+0+0		0+17+5	0+0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/12/2017	TO: PVD2 - JS2 - CTK3	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: HUNG - Vậ - THỤ	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BOIKO D.G	PVD2	49	1	5		95	KH-THAC	Russian
2	NGUYEN THANH HAI	PVD2	50	1	6	12	78	KH-THAC	Vietnamese
3	LUONG THE MINH	PVD2					70	KH-THAC	Vietnamese
4	VU VAN GIANG	PVD2					80	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN ANH TUAN	PVD2					69	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI VAN ANH	PVD2	52	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐẶNG ĐỨC HA	PVD2					68	KH-THAC	Vietnamese
8	VU ANH TUAN	PVD2					72	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VAN CUONG	PVD2	51	1	12		82	KH-THAC	Vietnamese
10	DO DUC MANH	JS2	25	1	11		70	KHOAN	Vietnamese
11	NGO MINH QUAN	JS2	16	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN VAN LINH	JS2	15	1	5		54	KHOAN	Vietnamese
13	PHAM MINH NGOC	JS2	27-28	2	15	75	70	KHOAN	Vietnamese
14	LUU VAN LOI	JS2	19-20	2	17		71	KHOAN	Vietnamese
15	HOANG QUOC VIET	JS2	23	1	6		78	KHOAN	Vietnamese
16	BUI CAO HUY	JS2	26	1	4		58	KHOAN	Vietnamese
17	TRAN XUAN THI	JS2	24	1	10		57	KHOAN	Vietnamese
18	CAO VAN VIET	JS2	17	1	10		62	KHOAN	Vietnamese
19	LE HUU NGHIA	JS2	21	1	10		74	KHOAN	Vietnamese
20	LE MANH HUNG	JS2	18	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
21	DINH VAN LAM	JS2	22	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
22	LE QUANG CUONG	JS2	14	1	10		80	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	9	4	27	694	12	0		
2	JS2	13	15	118	879	75	17		
3	CTK3	0	0	0	0	12	5		
TOTAL		22	19	145	1.573	99	22		
WEIGHT KG				145	1.573	99			

GRAND TOAL: 1.817 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 15/12/2017

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1	426	VSP02+P9+P11	7:25	22+0+0	0+0+0		21+0+1	0+0+0	trans 1 pax p9- p11
2	427	P4+AMD	7:25	7+15	0+0		1+16	0+0	
3	424	TD5+PPD+BK4	7:25	10+12+0	0+0+0		4+14+0	0+0+0	trans 4 pax TD5-BK4trans 4 pax TD5-PPD
4	426	CTK3+TD3+BK6	9:25	21+1+0	0+0+0		19+2+0	0+0+0	trans 1 pax TD3-BK6
5	424	P7+BK9+BK14	9:25	9+5+8	0+0+0		1+6+13	0+0+0	
6	427	CNV+PVD2+MRM	9:25	11+0+11	0+0+0		7+2+7	0+0+0	
7	424	PPD+BK5+TD2	11:25	11+11+0	0+0+0		10+0+3	0+0+0	TRANS 1 PAX PPD-BK5
8	426	CTK3+AMD	11:25	16+6	0+0		8+5	0+0	
9	427	CLO+PPD+TD1	11:25	3+16+3	0+0+0		0+13+3	0+0+0	
10	426	VSP02+RP2	13:25	21+1	0+0		18+2	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ VSP02 ĐI VỀ TRONG NGÀY-4NG XNKTT ; 2 NGUOI BK8, 3 NG. TD3 CHUYỂN QUA PPD VÀ BK4 QUA ĐIỂM TD5



FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/12/2017	TO: VSP02 - P9 - P11	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Khang - Linh - PTUÁN	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BONDARENKO V.A.	VSP02				25	95	KH-THAC	Russian
2	ORLOV I.V.	VSP02	75	1	3		93	KH-THAC	Russian
3	BELENKO A.V.	VSP02	76	1	3		95	KH-THAC	Russian
4	TRIANDOFILIDI Y.I.	VSP02					94	KH-THAC	Russian
5	BUI VAN THOAI	VSP02	71	1	5		69	YTE	Vietnamese
6	TRINH BAO XUYEN	VSP02	69	1	5		67	QUATETS 3	Vietnamese
7	NGUYEN NHU Y	VSP02	67-68	2	12		59	QUATETS 3	Vietnamese
8	POKLONSKIY ALEXEY	VSP02	39	1	5		80	KH-THAC	Russian
9	PHAM TRUNG SONG	VSP02					90	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐẶNG NGỌC CUƠNG	VSP02					73	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN LÊ HỘI	VSP02	65-66	2	15		67	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ CÔNG HOAN	VSP02	77	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN NGOC QUANG	VSP02					62	KH-THAC	Vietnamese
14	BUI HUY BINH	VSP02					78	KH-THAC	Vietnamese
15	DƯƠNG TRUNG VIỆT	VSP02	70	1	10		73	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN VIET NGOC	VSP02	89	1	10		66	KH-THAC	Vietnamese
17	VÔ TẤN LINH	VSP02	72	1	7		58	KH-THAC	Vietnamese
18	CAO VAN KHA KHA	VSP02	64	1	2		75	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN VAN QUYET	VSP02					55	KH-THAC	Vietnamese
20	NGÔ ĐỨC TRI	VSP02	40	1	4		58	KH-THAC	Vietnamese
21	BUI XUAN TIEN	VSP02	41	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN MANH HA	VSP02	63	1	2		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	22	17	92	1.604	25	21		CHUYEN 1 PAX TU P9 SANG P11
2	P9	0	0	0	0	0	0		
3	P11	0	0	0	0	12	1		
TOTAL		22	17	92	1.604	37	22		
WEIGHT KG				92	1.604	37			

GRAND TOAL: 1.733 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/12/2017	TO: P4 - AMD	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Hạnh - MTuấn - NNam	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM HỒNG VUƠN	P4	11	1	7		70	XAYLAP	Vietnamese
2	LE NGOC CUONG	P4	12	1	10		67	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYEN SY MY	P4	15	1	10	90	70	XAYLAP	Vietnamese
4	LUU ĐỨC THỊNH	P4	09-10	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
5	ĐINH VĂN DUONG	P4	13-14	2	17		60	XAYLAP	Vietnamese
6	PHAM THANH NAM	P4	08	1	10		65	XAYLAP	Vietnamese
7	LE HUY	P4	06-07	2	17		65	XAYLAP	Vietnamese
8	TRINH THUONG MAI	AMD	79-80	2	12		58	KH-THAC	Vietnamese
9	NGO SY KHOI	AMD	87	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN HANG HAI	AMD	72	1	12		78	KH-THAC	Vietnamese
11	LE TRI TRUNG	AMD	73	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
12	HOANG TRUNG KIEN	AMD	70	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
13	VADIM BOGACHEV (PVDT)	AMD	77	1	10		88	KH-THAC	Russian
14	ĐO THẾ THANH	AMD	81-82	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
15	THAI THANH THAO	AMD	79	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAM TUAN CHUNG	AMD	85	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN LE HONG VU	AMD	86	1	9		63	KH-THAC	Vietnamese
18	LE HOANG HONG SANG	AMD	75-76	2	15		67	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN HOANG LONG	AMD	83-84	2	14		70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN TRONG TUAN	AMD	71	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
21	PHI MẠNH HAI	AMD	88	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
22	TRUONG LE ANH DUNG	AMD	74	1	7		82	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	7	10	88	467	90	1		
2	AMD	15	19	133	1.044	0	16		
TOTAL		22	29	221	1.511	90	17		
WEIGHT KG				221	1.511	90			

GRAND TOAL: 1.822 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/12/2017	TO: TD5 - PPD - BK4	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:40
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: Lhài - VTHU - thông -	ETA: 09:20
VANG-1		THAO	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BELAYAIEV C.A.	TD5	24	1	10		88	KH-THAC	Russian
2	NGUYEN AN NINH	TD5	26	1	15	40	75	KH-THAC	Vietnamese
3	LAI ANH TUAN	TD5	25	1	10		100	KH-THAC	Vietnamese
4	LUU HONG THU	TD5	18	1	7		50	DVL	Vietnamese
5	ĐANG VAN CHUNG	TD5	16-17	2	18		69	DVL	Vietnamese
6	ĐOAN PHUC HOANG	TD5	21	1	12		75	DVL	Vietnamese
7	ĐINH VAN ĐONG	TD5	19	1	10		60	DVL	Vietnamese
8	PHẠM VĂN Y	TD5	20	1	11		77	DVL	Vietnamese
9	NGUYEN ĐỨC TOAN	TD5	22-23	2	15		55	DVL	Vietnamese
10	TRAN VAN DU	TD5	15	1	5		57	DVL	Vietnamese
11	TRẦN ĐOÀN HƯƠNG	PPD					59	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM BA SINH	PPD	49-50	2	10		59	KHI	Vietnamese
13	LÊ ĐÌNH THAO	PPD	55-56	2	11	60	70	KHI	Vietnamese
14	PHAM VAN DONG	PPD	46	1	5	55	58	VIEN NI PI	Vietnamese
15	BUI VAN VIEN	PPD	48	1	7		58	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐANG VAN NINH	PPD	53	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
17	BUI NANG PHONG	PPD	47	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN CAO CUONG	PPD	52	1	3		64	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN VAN SON	PPD	51	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
20	BIEN MINH SON	PPD	45	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN THANH TRI	PPD	54	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
22	NGO ĐỨC VỌNG	PPD					65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	10	12	113	706	40	2	8	CHUYEN 04 PAX TU TD5 SANG BK4
2	PPD	12	12	57	783	115	14		CHUYEN 04 PAX TU TD5 SANG PPD
3	BK4	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		22	24	170	1.489	155	16		
WEIGHT KG				170	1.489	155			

GRAND TOTAL: 1.814 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/12/2017	TO: CTK3 - TD3 - BK6	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:40
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: Khang - Linh - PTUÁN	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	POPOVA	CTK3	37	1	5	25	80	KH-THAC	Russian
2	PHAM XUAN HOA	CTK3					74	YTE	Vietnamese
3	DOAN QUANG CHUNG	CTK3					75	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI KHAC PHONG	CTK3	40	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN TRONG HAI	CTK3					82	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN DUY HA	CTK3	38	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
7	HA MINH GIANG	CTK3	33	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN TRONG KIM	CTK3	34	1	2		68	KH-THAC	Vietnamese
9	DOAN QUANG TUAN	CTK3	39	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN NGOC TUONG	CTK3	41	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN DUC HANH	CTK3	42	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
12	LE VAN BINH	CTK3	43	1	9		72	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAM THANH QUANG	CTK3	45	1	3		71	KH-THAC	Vietnamese
14	MOHD IRWANIZA B A BAKAR	CTK3	53-54	2	15		96	KH-THAC	Malaysian
15	NGUYEN DAC THANH	CTK3	36	1	4		8	KH-THAC	Vietnamese
16	TRAN HUU BAO	CTK3	32	1	8		84	KH-THAC	Vietnamese
17	TRUONG QUOC BAO	CTK3	48	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAN DUY PHUONG	CTK3	46	1	9		74	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAN KHAC THANG	CTK3	44	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN THANH HAI	CTK3	35	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
21	PHAN XUAN THANH	CTK3	47,52	2	10		63	KH-THAC	Vietnamese
22	BUI VAN QUYET	TD3	19	1	6		85	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	21	20	111	1.480	25	17		CHUYEN 1 PAX TD3 SANG BK6
2	TD3	1	1	6	85	0	4		
3	BK6	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		22	21	117	1.565	25	21		
WEIGHT KG				117	1.565	25			

GRAND TOAL: 1.707 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 15-Dec-17	TÔ: P7 - BK9 - BK14	AIRCRAFT: 424	ETD: 09:50
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: LHài - VTHU - thông -	ETA: 11:30
HONG-2		THẢO	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN DƯƠNG PHÚC	P7	59	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
2	VŨ XUÂN	P7	53	1	6		88	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐỖ ĐỨC VƯỢNG	P7	60	1	5		84	KH-THAC	Vietnamese
4	HOANG VIET THUAN	P7	58	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN DUY HUNG	P7	55	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐỖ VĂN DŨNG	P7	54	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐỖ ĐỨC CƯỜNG	P7	52	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN LINH HOẠT	P7	56-57	2	10		71	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ HỮU LONG	P7	51	1	4		56	PSV	Vietnamese
10	TRẦN QUANG TRI	BK9	17	1	8		83	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN ĐỨC CƯỜNG	BK9	44	1	8		82	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐÀO VIỆT HÙNG	BK9	39-40	2	16		65	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM QUANG THAI	BK9	37	1	8	50	80	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM VĂN VINH	BK9	38	1	6		68	PSV	Vietnamese
15	LÊ HAI HOA	BK14	25	1	5		80	ĐANG KIEM	Vietnamese
16	TRẦN VĂN THANH	BK14	26	1	8		66	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN CHÍNH	BK14	21	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐÀO KIM CƯỜNG	BK14	24	1	4		61	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐẶNG QUANG HUY	BK14	22	1	8	50	66	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM VĂN TUYẾN	BK14					65	KH-THAC	Vietnamese
21	PHAN TIẾN CƯỜNG	BK14	23	1	4		59	PSV	Vietnamese
22	TRẦN TRUNG KIỂM	BK14	06	1	5		62	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	9	10	50	634	0	1		
2	BK9	5	6	46	378	50	6		
3	BK14	8	7	40	522	50	13		
TOTAL		22	23	136	1.534	100	20		
WEIGHT KG				136	1.534	100			

GRAND TOAL: 1.770 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/12/2017	TO: CNV - PVD2 - MRM	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:45
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: Hạnh - MTuấn - NNam	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐÓ QUỐC TUNG	CNV	35	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐANG ĐỨC HẠNH	CNV	34	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ THANH LIÊM	CNV	42	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN ĐOÀN	CNV	41	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN HẠO	CNV	33	1	10	50	70	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐỨC THANH	CNV	43	1	5	15	80	KH-THAC	Vietnamese
7	SYED SALLEH BIN ALHABSHI	CNV	48-49	2	17		65	KH-THAC	Malaysian
8	NGUYỄN ĐÌNH DŨNG	CNV	45-47	3	17		70	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM VĂN THĂNG	CNV	30	1	10		68	T-TIN	Vietnamese
10	ĐANG MINH VƯƠNG	CNV	31-32	2	10		52	T-TIN	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐÌNH TIỆN	CNV	44	1	3		70	PSV	Vietnamese
12	PHẠM QUỐC TUẤN	MRM	33-34	2	12		64	KHOAN	Vietnamese
13	ĐO VĂN TRÚC	MRM	31-32	2	15		60	KHOAN	Vietnamese
14	LÊ VĂN BIÊN	MRM	37	1	10		56	KHOAN	Vietnamese
15	THAI ĐOÀN MAO	MRM	24	1	10		66	KHOAN	Vietnamese
16	NGO MINH CHANH	MRM	23	1	7		58	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN HOÀI NAM	MRM	35-36	2	14		56	KHOAN	Vietnamese
18	MAI THANH NAM	MRM	25	1	10	12	65	DVL	Vietnamese
19	PHẠM TÙNG VỸ	MRM	30	1	10		70	DVL	Vietnamese
20	LƯƠNG MẠNH HẢI	MRM	26	1	17		75	DVL	Vietnamese
21	NGUYỄN NGỌC NINH	MRM	28-29	2	17		70	DVL	Vietnamese
22	OLEG DOBROVOLSKY	MRM	38	1	15		90	DVL	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CNV	11	15	102	735	65	7		
2	PVD2	0	0	0	0	0	2		
3	MRM	11	15	137	730	12	7		
TOTAL		22	30	239	1.465	77	16		
WEIGHT KG				239	1.465	77			

GRAND TOAL: 1.781 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/12/2017	TO: PPD - BK5 - TD2	AIRCRAFT: 424	ETD: 12:00
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: Bằng - L Hải - THẢO	ETA: 13:40
DO-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGÔ VIỆT ANH	PPD					85	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐỖ ĐỨC QUÂN	PPD	07	1	3		71	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI VĂN ĐÀO	PPD	10	1	3		92	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN CHUNG	PPD	03-05	3	14		70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	PPD	06	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
6	SHEVLIAKOV	PPD	08	1	7		60	KH-THAC	Russian
7	NGUYỄN THANH TUNG	PPD	09	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
8	MAI MẠNH KHANH CƯỜNG	PPD	01-02	2	17		75	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM LÊ DƯƠNG	PPD	11	1	8		78	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐÌNH TRỌNG	PPD	12	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VŨ KIẾN	PPD	13	1	10		71	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM VĂN NAM	BK5	64	1	11		65	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN HẠM CHUNG	BK5	65-66	2	15		63	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN SƠN ANH	BK5	55	1	12		89	XAYLAP	Vietnamese
15	ĐỖ VĂN NGỌC	BK5	52-53	2	14		86	XAYLAP	Vietnamese
16	TRẦN XUÂN TỤC	BK5	59-60	2	15		56	XAYLAP	Vietnamese
17	PHẠM NGỌC TIÊM	BK5	54	1	15	50	67	XAYLAP	Vietnamese
18	TRẦN VĂN HẠNH	BK5	56-57	2	15		58	XAYLAP	Vietnamese
19	TRẦN VĂN MINH	BK5	62-63	2	15		59	XAYLAP	Vietnamese
20	VŨ DUY ĐỨC	BK5	58	1	15		68	XAYLAP	Vietnamese
21	PHẠM VĂN VUI	BK5	61	1	12		60	XAYLAP	Vietnamese
22	TRẦN VĂN LỤC	BK5	51	1	12		95	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	11	13	84	809	0	10	1	CHUYEN 1 PAX PPD-BK5
2	BK5	11	16	151	766	50	0		
3	TD2	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		22	29	235	1.575	50	14		
WEIGHT KG				235	1.575	50			

GRAND TOAL: 1.860 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/12/2017	TO: CTK3 - AMD	AIRCRAFT: 426	ETD: 11:50
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: HỒI - KHÁI - THỤ	ETA: 13:30
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN ĐẠN QUẾ	CTK3					78	KH-THAC	Vietnamese
2	VŨ HỮU CHÍNH	CTK3	57	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
3	DUƠNG CÔNG AN	CTK3	62	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM DỤC KIEM	CTK3	58	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN HÙNG	CTK3	59-60	2	13		70	KH-THAC	Vietnamese
6	NGÔ THAI HA	CTK3	61	1	7		56	KH-THAC	Vietnamese
7	VU DINH VIET	CTK3	69	1	10		61	KH-THAC	Vietnamese
8	TRAN VAN TUNG	CTK3	67	1	3		55	KH-THAC	Vietnamese
9	ARTIUSHIN	CTK3	64	1	13		85	ANTOAN	Russian
10	NGUYỄN HỮU VIỆT	CTK3	63	1	5		71	ANTOAN	Vietnamese
11	PHẠM VĂN THỊ	CTK3	68	1	5		68	ANTOAN	Vietnamese
12	PHẠM VĂN HUNG	CTK3	65-66	2	10		70	T-TIN	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN MINH	CTK3	55	1	15		77	T-TIN	Vietnamese
14	LÊ SY QUY DUY	CTK3	70-71	2	12		70	T-TIN	Vietnamese
15	NGUYỄN NGỌC TRIU	CTK3	72-73	2	20	70	67	T-TIN	Vietnamese
16	TRẦN ĐÌNH MINH	CTK3	56	1	6		78	PSV	Vietnamese
17	LÊ CHÍ CUÔNG	AMD	30	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN ANH KHOA	AMD	29	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
19	HOÀNG NGỌC ANH	AMD	34-35	2	7		68	KH-THAC	Vietnamese
20	CHU ĐỨC CHÍ	AMD	32-33	2	11		69	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐÀO ĐỨC HUY	AMD	31	1	5	40	65	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN TINH	AMD	36-37	2	18	20	60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	16	19	137	1.116	70	10		
2	AMD	6	9	51	393	60	5		
TOTAL		22	28	188	1.509	130	15		
WEIGHT KG				188	1.509	130			

GRAND TOAL: 1.827 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/12/2017	TO: CLO - PPD - TD1	AIRCRAFT: 427	ETD: 11:55
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: Hạnh - TRƯỜNG - N Nam	ETA: 13:35
TRANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGÔ DUY NGỌC	CLO	38	1	12		62	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN TRONG HUỆ	CLO	400	1	10		63	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN HUU LUAN	CLO	39	1	14		66	KHOAN	Vietnamese
4	LÊ KIM SONG	PPD	84-85	2	15		65	KHI	Vietnamese
5	ĐẶNG HỒNG QUÂN	PPD	83	1	10		75	ANTOAN	Vietnamese
6	PHẠM VĂN MAI	PPD	82	1	9		70	XAYLAP	Vietnamese
7	LÊ HỒNG DUNG	PPD	69	1	10		74	XAYLAP	Vietnamese
8	TRẦN HUY ANH	PPD	79	1	17		92	XAYLAP	Vietnamese
9	HA ANH CÔNG	PPD	67-68	2	15		55	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN KHA	PPD	75	1	11		75	XAYLAP	Vietnamese
11	LÊ VĂN CHIẾN	PPD	70-71	2	16		65	XAYLAP	Vietnamese
12	TRẦN VĂN CHIẾN	PPD	72	1	17	40	73	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN KHÁNH	PPD	76-77	2	18		53	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN BẢNG	PPD	78	1	5		67	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN BA THANH	PPD	74	1	7		72	XAYLAP	Vietnamese
16	QUÁCH XUÂN THƯƠNG	PPD	80-81	2	16		70	XAYLAP	Vietnamese
17	LY XUÂN TRUNG	PPD	64-65	2	8		66	YTE	Vietnamese
18	VŨ VĂN TIẾN	PPD	73	1	2		66	PSV	Vietnamese
19	PHẠM VĂN NAM	PPD	66	1	6		60	PSV	Vietnamese
20	TRẦN CÔNG HA	TD1	33-34	2	17		80	KHOAN	Vietnamese
21	ĐINH CHÍ CÔNG	TD1	32	1	10		65	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYỄN THẾ DUNG	TD1	35	1	10		55	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	3	3	36	191	0	0		
2	PPD	16	22	182	1.098	40	13		
3	TD1	3	4	37	200	0	3		
TOTAL		22	29	255	1.489	40	16		
WEIGHT KG				255	1.489	40			

GRAND TOAL: 1.784 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/12/2017	TO: VSP02 - RP2	AIRCRAFT: 426	ETD: 14:00
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: Hôi - KHÁI - THU	ETA: 15:40
XANH-4			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ XUÂN BÌNH	VSP02	82	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
2	HA MẠNH THĂNG	VSP02	80	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
3	VŨ QUANG TUYẾN	VSP02	79	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
4	VŨ THAI SƠN	VSP02	81	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN QUỐC HOÀN	VSP02	88	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ QUANG ANH HÙNG	VSP02	91	1	3		64	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐO TRUNG DŨNG	VSP02	87	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
8	NGO ĐỨC CHU	VSP02	90	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐÌNH DƯƠNG	VSP02	85	1	8		62	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN GIÁP	VSP02	92-93	2	15		69	KH-THAC	Vietnamese
11	LŨ SƠN	VSP02	78	1	6		73	KH-THAC	Vietnamese
12	TÔ VĂN HÙNG	VSP02	83	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN CÔNG PHU	VSP02	96-97	2	20		83	CODIEN	Vietnamese
14	HOANG MINH HAI	VSP02	100,01	2	13	32	78	CODIEN	Vietnamese
15	VŨ NGỌC THAI SƠN	VSP02	98-99	2	12		65	CODIEN	Vietnamese
16	BUI VĂN HUY	VSP02	95	1	8		67	ANTOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN HỮU NHAN	VSP02	94	1	6		70	PSV	Vietnamese
18	PHAN VĂN HỒNG	VSP02	86	1	5		65	PSV	Vietnamese
19	TRẦN VĂN THUẬT	VSP02	84	1	4		55	PSV	Vietnamese
20	HA VĂN NIỆM	VSP02	89	1	3		60	PSV	Vietnamese
21	MAI HAI LONG	RP2	31	1	8	20	77	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	20	24	140	1.335	32	18		
2	RP2	1	1	8	77	20	3		
TOTAL		21	25	148	1.412	52	21		
WEIGHT KG				148	1.412	52			

GRAND TOAL: 1.612 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 17/12/2017

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD2+PPD+BK4	7:25	4+18+0	0+0+0		0+12+10	0+0+0	
2		RP3+PPD+BK10	7:25	15+7+0	0+0+0		7+5+10	0+0+0	
3		RC3+RP2+RP3	11:25	1+15+6	0+0+0		0+11+11	0+0+0	
4		PPD+P4+P5	11:25	6+11+5	0+0+0		4+12+6	0+0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17-Dec-17	TO: TD2 - P2 - BK4	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - CHIÊN - NNam	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KURPASOV	TD2	45	1	8	10	72	KH-THAC	Russian
2	PHAM THE QUANG	TD2	48	1	12	35	65	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN MINH SANG	TD2	46-47	2	18		84	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN THANH TRUNG	TD2	49	1	11		70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN HUY THAN	P2	93	1	9		70	CODIEN	Vietnamese
6	ĐIỀU QUỐC CHÍNH	P2	94	1	8		71	CODIEN	Vietnamese
7	NGUYEN QUOC LUONG	P2	97-98	2	14		76	CODIEN	Vietnamese
8	VO THANH TIEN	P2	95-96	2	12		88	CODIEN	Vietnamese
9	LAM QUANG NAM	P2	92	1	7		80	KHI	Vietnamese
10	NGUYEN MINH VIEN	P2	15	1	9		70	KHI	Vietnamese
11	KHARITONOV	P2	99	1	7		74	KHI	Russian
12	BERNHIKOV V.N	P2	200	1	10		108	KHI	Russian
13	NGUYEN HUU LUAN	P2	35	1	7		74	KHI	Vietnamese
14	VO TA QUANG	P2	11	1	4		70	KHI	Vietnamese
15	ĐINH THE QUAN	P2	12	1	6		67	KHI	Vietnamese
16	BUI THANH HAI	P2	10	1	3		62	KHI	Vietnamese
17	ĐO MINH ĐỨC	P2	90	1	5		76	KHI	Vietnamese
18	NGUYEN MINH CHANH	P2	14	1	12		85	KHI	Vietnamese
19	NGUYEN HA NIN	P2	16	1	7		74	KHI	Vietnamese
20	PHAM VAN MUNG	P2	36	1	3		75	KHI	Vietnamese
21	NGUYEN THANH SON	P2	91	1	4		52	KHI	Vietnamese
22	VO ĐON LONG	P2	13	1	8		69	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	4	5	49	291	45	0		
2	P2	18	20	135	1.341	0	12		
3	BK4	0	0	0	0	20	10		
TOTAL		22	25	184	1.632	65	22		
WEIGHT KG				184	1.632	65			

GRAND TOAL: 1.881 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/12/2017	TO: RP3 - P2 - BK10	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: ĐỨC - HÒI - THỤ	ETA: 09:15
HONG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TRỌNG TÂM	RP3	09	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐINH HOÀI ĐỨC	RP3	12	1	3		63	KHI	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN TÂN	RP3					62	KHI	Vietnamese
4	TU NGỌC HAI	RP3	07-08	2	9		74	KHI	Vietnamese
5	LANH TRUNG ĐÔNG	RP3	06	1	3		59	KHI	Vietnamese
6	LE ĐỨC VIỆT	RP3	13-14	2	15		71	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN TRỌNG TUÂN	RP3					87	KHI	Vietnamese
8	PHẠM DUY DŨNG	RP3					75	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN CỬ	RP3	10	1	7	20	59	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN TRUNG KIẾN	RP3	05	1	3		65	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN TẤT THÀNH	RP3	11	1	6		68	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN QUỐC BẢO BÌNH	RP3	04	1	5		64	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN HAI LAM	RP3	01	1	7		66	KHOAN	Vietnamese
14	PHẠM VĂN TRI	RP3	03	1	10		73	KHOAN	Vietnamese
15	ĐOÀN VĂN KHUÛU	RP3	02	1	7		60	KHOAN	Vietnamese
16	THAI TRUNG HIẾU	RP3	15	1	6		74	DOI SONG	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐỨC NGỌC	P2	07	1	4		70	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐÌNH HUY	P2	01	1	4		59	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN HÀ	P2	06	1	4	20	59	KHI	Vietnamese
20	IMAEB V.H	P2	02	1	5		75	KHI	Russian
21	REZNIKOV	P2	03-04	2	10		92	D-HANH	Russian
22	STAZINSKY	P2	05	1	4		97	D-HANH	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	16	15	91	1.092	20	7		
2	P2	6	7	31	452	20	5		
3	BK10	0	0	0	0	20	10		
TOTAL		22	22	122	1.544	60	22		
WEIGHT KG				122	1.544	60			

GRAND TOAL: 1.726 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17-Dec-17	TO: RC3 - RP2 - RP3	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - CHIẾN - NNam	ETA: 11:20
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ XUÂN LỢI	RC3	21-22	2	10		75	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN VAN THANH	RP2	37	1	10		80	DVL	Vietnamese
3	TẠ MINH UY	RP2	35	1	14		61	DVL	Vietnamese
4	PHAN ĐĂNG TUẤN	RP2	36	1	13		60	DVL	Vietnamese
5	CAO VĂN GIÁP	RP2	54	1	10		86	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYEN SY LỤC	RP2	42-43	2	18		75	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYEN QUY HAI	RP2	44-45	2	20		93	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYEN XUAN ĐỨC	RP2	48	1	9		80	XAYLAP	Vietnamese
9	ĐOÀN QUANG TRUNG	RP2	33-34	2	19		64	XAYLAP	Vietnamese
10	LE ĐÌNH HIỆU	RP2	38	1	9		66	XAYLAP	Vietnamese
11	LƯU MẠNH TIẾN	RP2	39	1	8		65	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYEN ĐỨC TUYẾN	RP2	49-50	2	17		80	XAYLAP	Vietnamese
13	HUYNH KỶ MINH TUẤN	RP2	40-41	2	18		57	XAYLAP	Vietnamese
14	BUI MẠNH HÀ	RP2	46-47	2	15		89	XAYLAP	Vietnamese
15	TRINH VĂN TỰ	RP2	52-53	2	20		65	XAYLAP	Vietnamese
16	TRẦN MẠNH HÙNG	RP2	51	1	17		82	XAYLAP	Vietnamese
17	LE NGỌC LUÂN	RP3	17	1	10		68	KHOAN	Vietnamese
18	MAI TUẤN KIẾT	RP3	21	1	10		74	KHOAN	Vietnamese
19	TẠ BA HOÀN	RP3	19	1	12		61	KHOAN	Vietnamese
20	ĐOÀN VĂN MƯỜI	RP3	20	1	10		61	KHOAN	Vietnamese
21	TRẦN VĂN MẠNH	RP3	18	1	6		60	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC3	1	2	10	75	0	0		
2	RP2	15	22	217	1.103	0	11		
3	RP3	5	5	48	324	0	11		
TOTAL		21	29	275	1.502	0	22		
WEIGHT KG				275	1.502	0			

GRAND TOAL: 1.777 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/12/2017	TO: P2 - P4 - P5	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:45
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: ĐỨC - Hôi - THỤ	ETA: 11:25
DO-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN XUAN HUYNH	P2	13	1	6		53	KHI	Vietnamese
2	TRAN SON HAI	P2	14	1	6		74	KHI	Vietnamese
3	BUI ĐANG TIEN	P2	09	1	15		68	KHI	Vietnamese
4	LUONG MANH DUONG	P2	10	1	7		62	KHI	Vietnamese
5	HO XUAN THANG	P2	15-17	3	12		62	KHI	Vietnamese
6	NGUYEN VAN TRUNG	P2	11-12	2	10		75	KHI	Vietnamese
7	SUDAKOV A.A	P4	47-48	2	8		115	KHI	Russian
8	LE VAN HUONG	P4	50	1	4		68	KHI	Vietnamese
9	PHAM VAN QUYEN	P4	43	1	7		73	KHI	Vietnamese
10	TRAN DUY KHUONG	P4	45	1	3		85	KHI	Vietnamese
11	NGUYEN DINH CU	P4	44	1	6	20	75	KHI	Vietnamese
12	NGUYEN CHIEN CONG	P4	41	1	6		70	KHI	Vietnamese
13	GIANG THANH TUNG	P4	42	1	8		86	KHI	Vietnamese
14	HOANG THAI DUONG	P4					72	KHI	Vietnamese
15	HOANG HUY TIEN	P4	49	1	5		56	KHI	Vietnamese
16	LE NGOC KY	P4	46	1	5		71	KHI	Vietnamese
17	PHAM HONG QUAN	P5	15	1	9		55	XAYLAP	Vietnamese
18	HOANG VAN VIEN	P5	16,23	2	15		78	XAYLAP	Vietnamese
19	LE TRONG VAN	P5	14,22	2	15	20	60	XAYLAP	Vietnamese
20	TRAN KHAC SAU	P5	25	1	15		68	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYEN VAN THUONG	P5	24	1	8		61	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	6	9	56	394	0	4		
2	P4	10	10	52	771	20	12		
3	P5	5	7	62	322	20	6		
TOTAL		21	26	170	1.487	40	22		
WEIGHT KG				170	1.487	40			

GRAND TOAL: 1.697 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN